

**SOLUTIONS TO ENHANCE  
OCCUPATIONAL ADAPTABILITY  
FOR EARLY CHILDHOOD  
EDUCATION STUDENTS IN THE  
CURRENT EDUCATIONAL CONTEXT**

Hoang Thanh Phuong<sup>1\*</sup>, Tran Dinh Chien<sup>1</sup>,  
Le Thi Hong Chi<sup>1</sup>, Bui Thi Thu Thuy<sup>1</sup>, Kim  
Thi Hai Yen<sup>1</sup> and Dinh Thi Lan Huong<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Department of Primary and Pre-School  
Education, Hung Vuong University,  
Phu Tho province, Vietnam*

<sup>2</sup>*Department of Primary and Pre-School  
Education, Hai Phong University,  
Hai Phong city, Vietnam*

\* Corresponding author: Hoang Thanh Phuong,  
email: [phuong83hvu@gmail.com](mailto:phuong83hvu@gmail.com)

Received September 7, 2024.

Revised September 22, 2024.

Accepted October 1, 2024.

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC  
THÍCH ỨNG NGHỀ NGHIỆP  
CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC  
MẦM NON TRONG BỐI CẢNH  
GIÁO DỤC HIỆN NAY**

Hoàng Thanh Phương<sup>1\*</sup>, Trần Đình Chiến<sup>1</sup>,  
Lê Thị Hồng Chi<sup>1</sup>, Bùi Thị Thu Thủy<sup>1</sup>, Kim  
Thị Hải Yến<sup>1</sup> và Đinh Thị Lan Hương<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non,  
Trường Đại học Hùng Vương,  
tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non,  
Trường Đại học Hải Phòng,  
thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

\*Tác giả liên hệ: Hoàng Thanh Phương, email:  
[phuong83hvu@gmail.com](mailto:phuong83hvu@gmail.com)

Ngày nhận bài: 7/9/2024.

Ngày sửa bài: 22/9/2024.

Ngày nhận đăng: 1/10/2024.

**Abstract.** Through document analysis, synthesis, and comparison methods, the article presents several theoretical perspectives related to the occupational adaptability of early childhood education students in the current educational context. The article also points out current limitations, such as a lack of practical skills, classroom management, communication with parents, and technology application. The proposed solutions include improving the curriculum, enhancing practical experiences, diversifying teaching and assessment methods, developing soft skills, and promoting cooperation between universities and early childhood education institutions. The goal is to help students become confident, flexible, and creative in adapting to the rapid changes in professional activities in early childhood education.

**Keywords:** Occupational adaptability, students, early childhood education, training program.

**Tóm tắt.** Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu với thao tác phân tích, tổng hợp, so sánh, bài viết trình bày một số lý luận liên quan đến năng lực thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trong bối cảnh giáo dục hiện nay. Bài báo cũng chỉ ra những hạn chế hiện tại, như việc thiếu kỹ năng thực hành, quản lý lớp học, giao tiếp với phụ huynh và ứng dụng công nghệ. Các giải pháp được đề xuất bao gồm: cải thiện chương trình đào tạo, tăng cường thực hành, đa dạng hóa phương pháp giảng dạy và đánh giá, phát triển kỹ năng mềm, và thúc đẩy sự hợp tác giữa các trường đại học và cơ sở giáo dục mầm non. Mục tiêu là giúp sinh viên tự tin, linh hoạt và sáng tạo trong việc thích ứng với những thay đổi nhanh chóng trong hoạt động nghề nghiệp ở bậc học mầm non.

**Từ khóa:** năng lực thích ứng nghề nghiệp, sinh viên, ngành Giáo dục Mầm non, chương trình đào tạo.

## **1. Mở đầu**

Nghị quyết số 29 của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định: “Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt” [1]. Điều này, đã đặt ra cho ngành giáo dục và các trường đào tạo sư phạm những yêu cầu mới, thách thức mới. Đảm bảo được nguồn lực giáo viên có chuyên môn, có khả năng làm việc chuyên nghiệp, linh hoạt, đáp ứng được những thay đổi nhanh của xã hội [2]-[4]. Trước yêu cầu của đổi mới giáo dục hiện nay, có nhiều sự điều chỉnh trong chương trình, phương pháp giảng dạy, công nghệ giáo dục và nhu cầu của xã hội. Chính vì vậy, sinh viên cần được trang bị tốt năng lực thích ứng nghề nghiệp để thực hiện tốt công việc của mình. Quá trình phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên được diễn ra trong suốt quá trình đào tạo tại trường đại học và quá trình thực hành nghề nghiệp tại trường mầm non, nó chịu tác động bởi nhiều yếu tố chủ quan từ phía sinh viên và các yếu tố khách quan tác động từ bên ngoài.

Hiện nay, trên thực tế còn nhiều sinh viên ngành Giáo dục Mầm non còn gặp khó khăn trong việc thích ứng nghề nghiệp sau khi ra trường. Bên cạnh những ưu điểm như được đào tạo bài bản về kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm, nhiệt huyết, năng động, sáng tạo, có khả năng tiếp thu công nghệ mới nhanh... thì vẫn còn nhiều những hạn chế nhất định. Những hạn chế có thể kể đến là khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tế còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm xử lý các tình huống sư phạm, khả năng quản lý lớp học chưa tốt, chưa biết cách xây dựng mối quan hệ với phụ huynh, dễ bị ảnh hưởng bởi áp lực công việc [5]-[7]. Mặt khác, rất nhiều cơ sở giáo dục mầm non có nhu cầu tuyển dụng giáo viên, tuy vậy cũng nhận thấy năng lực thích ứng nghề của sinh viên còn một số hạn chế nhất định. Do vậy, việc phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục, giúp sinh viên tự tin và chủ động trong công việc, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động tại các cơ sở giáo dục mầm non trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay [8].

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết của một số công trình nghiên cứu về thích ứng nghề nghiệp và năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên, từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay.

### **2.2. Kết quả nghiên cứu**

#### **2.2.1. Tổng quan về năng lực thích ứng nghề nghiệp trong đào tạo giáo viên mầm non**

Trong hệ thống giáo dục quốc dân, bậc học mầm non có những đặc thù riêng. Theo Điều lệ trường mầm non, nhiệm vụ của trường mầm non là “tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi” [1]. Với đối tượng người học rất đặc biệt này, đòi hỏi người giáo viên mầm non ngoài năng lực chung của người giáo viên còn cần những năng lực đặc thù, phù hợp với yêu cầu của nghề giáo viên mầm non [4]. Mặt khác, theo Điều lệ trường mầm non, hiện có nhiều loại hình cơ sở giáo dục mầm non bao gồm các trường công lập, trường tư thục, trường mầm non có yếu tố quốc tế, các nhóm trẻ độc lập tư thục... xuất hiện càng nhiều tại các địa phương trên cả nước [2]. Chính điều này đòi hỏi người giáo viên công tác tại loại hình trường nào, khu vực nào cần phải có năng lực thích ứng nghề nghiệp để phù hợp với môi trường làm việc tại đơn vị đó.

Thích ứng nghề nghiệp là quá trình thích ứng của người lao động với các điều kiện bên ngoài và bên trong của quá trình lao động [9].

Thích ứng nghề nghiệp là quá trình con người nhận thức và hành động một cách chủ động, tích cực nhằm làm quen, tiếp nhận các yếu tố, đặc điểm và điều kiện lao động của môi trường nghề nghiệp, điều chỉnh cảm xúc, lĩnh hội kinh nghiệm và phương thức hành vi mới, nỗ lực khắc phục khó khăn nhằm giải quyết thành công những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động nghề nghiệp [10]. Năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non là việc cá nhân tích cực tìm hiểu về nghề, quan tâm đến nghề, có khả năng kiểm soát, tự tin trong nghề, chủ động hòa nhập với các hoạt động nghề nghiệp và nội dung nghề nghiệp, tự giác rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, bồi dưỡng lòng yêu nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của nghề [11].

Từ những quan điểm trên, chúng tôi xác định, năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non là khả năng điều chỉnh và vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng, và thái độ để đáp ứng các yêu cầu và thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ và đáp ứng các yêu cầu của nghề. Phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non là quá trình giúp sinh viên có sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi một cách tích cực và chủ động để thích nghi với môi trường làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, hoàn thành các nhiệm vụ và đáp ứng những yêu cầu luôn thay đổi của nghề. NLTU nghề cho phép cá nhân thích nghi và đạt kết quả tốt trong các điều kiện, hoàn cảnh khác nhau của hoạt động nghề [12]. Năng lực thích ứng có những tác động tích cực và mang lại nhiều lợi ích đối với phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non như: tăng cường sự linh hoạt và sáng tạo trong giảng dạy, trong quản lý lớp học, trong xử lý các tình huống khó khăn và xung đột, trong vượt qua áp lực của công việc và phụ huynh, trong học tập phát triển chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong giáo dục...

### **2.2.2. Biểu hiện năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non**

Nghiên cứu biểu hiện của thích ứng nghề nghiệp của sinh viên được rất nhiều các tác giả trong và ngoài nước quan tâm. Theo E.A. Ermolaeva trong nghiên cứu “Đặc điểm thích ứng xã hội và nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp trường sư phạm” đã đưa ra các tiêu chí chủ quan và khách quan để đánh giá sự TUNN: Bốn tiêu chí khách quan là: chất lượng lao động, trình độ tay nghề, sự tuân thủ kỉ luật lao động và uy tín cá nhân với tập thể; Ba tiêu chí chủ quan là: mức độ hài lòng về công việc, điều kiện làm việc và mối quan hệ với người khác trong công việc để đánh giá sự thích ứng nghề nghiệp [10].

Ở Việt Nam, gần đây đã có một số nghiên cứu về năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm và GVMN như Nguyễn Thị Như Hồng (2016) nghiên cứu khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Đại học Quy Nhơn trong thực tập sư phạm; nhóm tác giả Vũ Phương Liên, Trần Lan Anh và Nguyễn Thị Như Ngọc (2018) đã nghiên cứu xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực thích ứng nghề nghiệp của GVMN, trong đó đề xuất mô hình và bảng tiêu chí đo năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non, tác giả Lê Văn Thắng (2019) đã sử dụng công cụ để khảo sát năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non tại tỉnh Nam Định [5], [7],[11], [12]. Căn cứ và phát triển từ những kết quả nghiên cứu này, chúng tôi xác định năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non được biểu hiện ở ba khía cạnh: nhận thức, kỹ năng và thái độ. Cụ thể như sau:

#### **2.2.2.1. Biểu hiện về mặt nhận thức của năng lực thích ứng nghề nghiệp ở sinh viên ngành Giáo dục Mầm non**

- Có hiểu biết sâu rộng về tâm lí và đặc điểm phát triển của trẻ em lứa tuổi mầm non
- Hiểu biết về sức khỏe và an toàn cho trẻ em, biết cách tạo ra môi trường học tập an toàn và lành mạnh, hỗ trợ sự phát triển toàn diện của trẻ.
- Hiểu biết về các phương pháp giảng dạy, tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non, có khả năng thiết kế các hoạt động học tập sáng tạo, thúc đẩy sự hứng thú và tham gia tích cực của trẻ. Sinh viên biết điều chỉnh phương pháp giảng dạy dựa trên phản hồi của trẻ, đảm bảo mọi trẻ đều tiếp cận và tham gia vào quá trình học tập một cách hiệu quả.

- Hiểu biết về quản lý lớp học và tổ chức môi trường học tập hiệu quả: hiểu biết về các chiến lược quản lý lớp học, bao gồm thiết lập quy tắc lớp học, duy trì kỷ luật tích cực và tạo ra môi trường học tập an toàn, thân thiện. SV biết cách xử lý các tình huống khó khăn một cách hiệu quả, giúp duy trì môi trường học tập tích cực. Sinh viên biết cách sắp xếp và tổ chức không gian lớp học sao cho phù hợp với các hoạt động học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em học tập và phát triển.

- Nắm vững kiến thức về chương trình giáo dục mầm non và phát triển tổ chức thực hiện chương trình nhà trường: SV nắm rõ các yêu cầu và mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non, bao gồm các lĩnh vực học tập và phát triển như ngôn ngữ, toán học, khoa học, nghệ thuật, thể chất và kỹ năng xã hội. Biết cách lập kế hoạch bài giảng và thiết kế các hoạt động học tập phù hợp với chương trình và nhu cầu của trẻ, có khả năng thiết kế bài giảng và các hoạt động học tập phong phú, kích thích sự phát triển toàn diện của trẻ và đáp ứng các mục tiêu giáo dục [4].

- Có kiến thức về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, bao gồm trách nhiệm đối với trẻ em, gia đình và cộng đồng. Họ hiểu rõ tầm quan trọng của việc duy trì sự trung thực, công bằng và chuyên nghiệp trong mọi hoạt động giáo dục và giao tiếp.

#### **2.2.2.2. Biểu hiện về mặt kỹ năng của năng lực thích ứng nghề nghiệp ở sinh viên ngành Giáo dục Mầm non**

- Kỹ năng chăm sóc và hỗ trợ phát triển toàn diện cho trẻ: biết cách chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ, đảm bảo trẻ được phát triển toàn diện về thể chất và tâm lý.

- Kỹ năng thiết kế và thực hiện bài giảng sáng tạo: biết cách lập kế hoạch bài giảng chi tiết, sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với độ tuổi và nhu cầu của trẻ.

- Kỹ năng quản lý lớp học hiệu quả, có khả năng duy trì môi trường lớp học an toàn, trật tự và thân thiện, biết cách quản lý thời gian, tổ chức các hoạt động hàng ngày một cách hợp lý để đảm bảo mọi trẻ đều tham gia và học tập hiệu quả. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong lớp học một cách nhanh chóng và hiệu quả [5].

- Kỹ năng giao tiếp và tương tác tích cực với trẻ: khả năng giao tiếp rõ ràng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với lứa tuổi của trẻ, biết cách khuyến khích trẻ tham gia vào các hoạt động, đồng thời tạo cơ hội cho trẻ phát biểu và thể hiện ý kiến.

- Kỹ năng quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ: có khả năng quan sát kỹ lưỡng, ghi nhận và phân tích các biểu hiện hành vi và tiến bộ của từng trẻ, biết điều chỉnh các kế hoạch giáo dục phù hợp cho từng cá nhân.

- Kỹ năng sử dụng công nghệ hỗ trợ giảng dạy: biết cách sử dụng các công cụ công nghệ như máy tính, bảng thông minh, phần mềm giáo dục để hỗ trợ giảng dạy và quản lý lớp học. Biết sử dụng công nghệ vào các hoạt động học tập, giúp trẻ tiếp cận với các phương pháp học tập hiện đại và hấp dẫn.

- Kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với đồng nghiệp: biết cách chia sẻ công việc và hỗ trợ đồng nghiệp, tích cực tham gia vào các cuộc họp chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm và ý kiến để cải thiện chất lượng giáo dục.

#### **2.2.2.3. Biểu hiện về mặt thái độ của năng lực thích ứng nghề nghiệp ở sinh viên ngành Giáo dục Mầm non**

- Tự tin trong giảng dạy và quản lý lớp học: thường thể hiện sự tự tin khi giảng dạy và quản lý lớp học. Họ không ngại thử nghiệm các phương pháp giảng dạy mới và điều chỉnh phương pháp giảng dạy, sẵn lòng đứng trước lớp và trình bày các ý tưởng, thực hiện các hoạt động giảng dạy với sự tự tin và tinh thần tích cực [5].

- Chủ động tìm kiếm cơ hội học hỏi và phát triển bản thân: chủ động tham gia vào các khóa học bổ sung, hội thảo, và các hoạt động ngoại khóa để nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn, tự giác lập kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ được giao. Cầu thị và ham học hỏi.

- Yêu nghề và mến trẻ: qua sự tận tâm, chăm sóc và quan tâm đối với trẻ em. Họ tạo ra một môi trường học tập thân thiện, ấm áp và hỗ trợ, nơi trẻ em cảm thấy an toàn và được yêu thương [4].

- Linh hoạt và sẵn sàng thích ứng với thay đổi: linh hoạt trong việc điều chỉnh kế hoạch và phương pháp giảng dạy để đáp ứng với các tình huống và yêu cầu mới. SV không ngại đổi mới với các thay đổi và thách thức trong môi trường làm việc, sẵn lòng chấp nhận phản hồi từ người khác và sử dụng những phản hồi đó để cải thiện và phát triển kỹ năng của mình.

#### **2.2.2.4. Một số hạn chế về năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non hiện nay**

Bên cạnh những ưu điểm về năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành GDMN như: Nhận thức tốt, hiểu rõ vai trò và trách nhiệm của nghề giáo viên mầm non, có nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc. Thái độ tích cực, thể hiện tình yêu nghề, tự tin và chủ động trong công việc. Kỹ năng giao tiếp tốt, giao tiếp hiệu quả với trẻ và phụ huynh. Vẫn còn tồn tại ở sinh viên một số những hạn chế sau [5]-[7], [10], [11], [13]-[15]:

- Thiếu kinh nghiệm thực tiễn: Sinh viên mới ra trường thường thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong việc quản lý lớp học và xử lý các tình huống phát sinh. Điều này khiến họ gặp khó khăn trong việc áp dụng lý thuyết vào thực tế.

- Khả năng quản lý lớp học yếu: Sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc duy trì kỷ luật lớp học, thiết lập và thực hiện các quy tắc lớp học, dẫn đến tình trạng lộn xộn và thiếu hiệu quả trong giảng dạy.

- Thiếu kỹ năng giao tiếp và tương tác với phụ huynh: Khả năng giao tiếp và xây dựng mối quan hệ tốt với phụ huynh còn hạn chế. Điều này có thể làm giảm hiệu quả trong việc phối hợp và hỗ trợ sự phát triển của trẻ.

- Hạn chế trong việc nhận diện và đáp ứng nhu cầu đặc biệt của trẻ: Sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc nhận diện và đáp ứng các nhu cầu đặc biệt của từng trẻ, đặc biệt là trẻ có nhu cầu đặc biệt hoặc trẻ đến từ các hoàn cảnh khác nhau.

- Thiếu tự tin và sự chủ động trong việc áp dụng các phương pháp giảng dạy mới và sáng tạo, cùng với sự thiếu chủ động trong việc tìm kiếm và áp dụng các kiến thức mới vào giảng dạy.

- Khả năng quản lý thời gian và tổ chức công việc yếu: Sinh viên có thể gặp khó khăn trong việc quản lý thời gian, tổ chức và điều phối các hoạt động giảng dạy, dẫn đến tình trạng công việc bị chông chéo và không hiệu quả.

- Thiếu kiến thức và kỹ năng về tổ chức các hoạt động giáo dục, chưa tạo được môi trường học tập thân thiện và tôn trọng sự đa dạng của trẻ.

- Đạo đức nghề nghiệp chưa vững vàng: Một số sinh viên có thể chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của đạo đức nghề nghiệp, dẫn đến thiếu sự chuyên nghiệp trong các hoạt động giảng dạy và giao tiếp.

Thực trạng năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non cho thấy một bức tranh khá đa dạng, với nhiều ưu điểm nhưng cũng không ít hạn chế. Những hạn chế này đòi hỏi cần có sự hỗ trợ, đào tạo và định hướng rõ ràng từ các trường đào tạo cũng như sự hỗ trợ từ phía các cơ sở giáo dục mầm non để sinh viên có thể phát triển và hoàn thiện năng lực thích ứng nghề nghiệp. Để nâng cao năng lực thích ứng nghề nghiệp, cần có các giải pháp cụ thể như cải thiện chương trình đào tạo, tăng cường thực hành, và tạo động lực cho sinh viên. Chỉ khi đó, sinh viên ngành Giáo dục Mầm non mới có thể phát triển toàn diện và đáp ứng được yêu cầu của nghề giáo viên mầm non.

#### **2.2.3. Giải pháp nâng cao năng lực thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non trong bối cảnh giáo dục hiện nay**

***Giải pháp 1. Nâng cao nhận thức cho sinh viên về nghề giáo viên mầm non và vai trò, biểu hiện của năng lực thích ứng nghề nghiệp***

*\* Mục đích*

Việc nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành GDMN giúp sinh viên hiểu rõ và đầy đủ về vai trò, trách nhiệm, và các kỹ năng cần thiết của nghề giáo viên mầm non đối với sự phát triển toàn diện của trẻ. Đồng thời, bồi dưỡng nhận thức giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của năng lực nghề nghiệp trong sự phát triển của trẻ và tạo động lực cho sinh viên trong quá trình học tập và công tác [16]. Cung cấp cho sinh viên những thông tin chính xác và thiết thực về nghề giáo viên mầm non giúp họ chuẩn bị tốt hơn cho nghề nghiệp tương lai, có trình độ và tâm huyết cao. Điều này góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phát triển nhân lực trong lĩnh vực giáo dục.

*\* Cách tiến hành:*

- Giới thiệu về nghề giáo viên mầm non: Vai trò và trách nhiệm của giáo viên mầm non trong sự phát triển toàn diện của trẻ; Các kỹ năng và phẩm chất cần thiết để trở thành một giáo viên mầm non hiệu quả; Thực tiễn nghề nghiệp và các thách thức trong công việc trong xu hướng đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế hiện nay...[6]. Mời các giáo viên mầm non có kinh nghiệm chia sẻ về công việc hàng ngày, các tình huống cụ thể và cách giải quyết; Thực hiện các buổi giao lưu, hội thảo với các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

- Đào tạo kỹ năng nghề nghiệp: Cung cấp các khóa học về kỹ năng giảng dạy, quản lý lớp học, và tương tác với phụ huynh; Tổ chức các buổi thực hành, mô phỏng tình huống thực tế trong lớp học mầm non... [7].

- Khuyến khích tham gia hoạt động thực tế: Tạo cơ hội cho sinh viên tham gia thực tập tại các cơ sở giáo dục mầm non; Tổ chức các hoạt động ngoại khóa và dự án liên quan đến giáo dục mầm non để sinh viên có thêm trải nghiệm thực tế.

- Thiết kế chương trình bồi dưỡng: Xây dựng nội dung chương trình chi tiết dựa trên nhu cầu của sinh viên và yêu cầu của nghề giáo viên mầm non. Xác định các mục tiêu cụ thể và phương pháp giảng dạy phù hợp.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng: Lên lịch các buổi hội thảo, khóa học, và giao lưu với các chuyên gia. Phối hợp với các cơ sở giáo dục mầm non để tổ chức thực tập và hoạt động thực tế cho sinh viên.

- Đánh giá và điều chỉnh: Thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên và các giảng viên về chương trình bồi dưỡng. Điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy dựa trên phản hồi và kết quả đánh giá để cải thiện chất lượng bồi dưỡng.

- Tạo động lực và hỗ trợ: Cung cấp các hỗ trợ tài chính hoặc học bổng cho sinh viên có thành tích tốt trong chương trình bồi dưỡng. Khuyến khích và ghi nhận những nỗ lực và thành công của sinh viên trong quá trình học tập và thực tập.

***Giải pháp 2. Đa dạng hóa các hình thức giảng dạy, đánh giá năng lực của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non***

*\* Mục đích:*

Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập bằng cách áp dụng các phương pháp giảng dạy và đánh giá đa dạng. Phát triển toàn diện năng lực của sinh viên, bao gồm cả kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm. Không chỉ tập trung vào kiến thức lý thuyết, việc đa dạng hóa hình thức giảng dạy còn giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, sáng tạo, giải quyết vấn đề. Tạo ra một môi trường học tập tích cực, linh hoạt và phù hợp với nhu cầu của từng sinh viên.

Giúp sinh viên nắm bắt kiến thức một cách sâu sắc và toàn diện. Khuyến khích sự sáng tạo, tư duy phản biện và khả năng tự học của sinh viên. Đảm bảo sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn và phát triển các kỹ năng cần thiết cho công việc sau khi ra trường. Góp phần nâng cao uy tín và chất lượng đào tạo của nhà trường.

*\* Cách tiến hành:*

- Tăng cường tính hấp dẫn của quá trình học tập: Thay vì chỉ học lí thuyết sinh viên sẽ được trải nghiệm thực tế thông qua các hoạt động như thực tập, làm dự án, tham gia các trò chơi giáo dục. Điều này giúp sinh viên hứng thú hơn với việc học tập và ghi nhớ kiến thức lâu hơn.

- Kết hợp lí thuyết với thực hành: Tạo cơ hội cho sinh viên *dạy thử*, được thực hành giảng dạy trước lớp, nhận được phản hồi từ giảng viên và bạn bè để cải thiện kĩ năng. Tham gia các *hoạt động ngoại khóa*, các buổi hội thảo, tọa đàm, tham quan các cơ sở giáo dục để mở rộng kiến thức và kĩ năng. *Thực tập* tại trường mầm non giúp sinh viên được trải nghiệm thực tế công việc của một giáo viên mầm non, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu.

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực: *Học tập dựa trên dự án*, sinh viên được giao các dự án thực tế, yêu cầu họ tự tìm tòi, nghiên cứu và trình bày kết quả. Tăng cường *học tập hợp tác* để cùng nhau giải quyết vấn đề, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm. *Học tập khám phá*: Tạo điều kiện cho sinh viên tự khám phá, tìm tòi kiến thức thông qua các hoạt động thực hành.

- Sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và đánh giá: Áp dụng các phần mềm, ứng dụng học tập trực tuyến để tăng tính tương tác và linh hoạt trong quá trình học tập. Cung cấp cho sinh viên các tài liệu, video, hình ảnh minh họa sinh động để hỗ trợ quá trình học tập. Xây dựng mạng xã hội học tập tạo ra một diễn đàn để sinh viên trao đổi, thảo luận và chia sẻ kiến thức.

- Đa dạng hóa hình thức đánh giá: Duy trì đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của sinh viên trong suốt quá trình học tập thông qua các bài kiểm tra nhỏ, bài tập, dự án. Đánh giá quá trình thực hành để xác định khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế thông qua các hoạt động thực tập, dạy thử. Đánh giá sản phẩm mà sinh viên tạo ra, như bài báo cáo, bài thuyết trình, đồ dùng dạy học. Đối tượng đánh giá có thể là giảng viên, sinh viên tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau về quá trình học tập và làm việc.

- Tạo môi trường học tập thân thiện: Giảng viên cần tạo ra một môi trường học tập cởi mở, khuyến khích sinh viên đặt câu hỏi và tham gia thảo luận. Tạo cơ hội cho sinh viên thể hiện bản thân, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, cuộc thi để sinh viên thể hiện tài năng và sở thích của mình. Khuyến khích tinh thần làm việc nhóm để rèn luyện kĩ năng giao tiếp, hợp tác và chia sẻ. Để đạt được hiệu quả cao, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giảng viên và sinh viên. Đồng thời, cần thường xuyên cập nhật và đổi mới các phương pháp giảng dạy và đánh giá để phù hợp với yêu cầu của xã hội.

### ***Giải pháp 3. Xây dựng mô hình câu lạc bộ kĩ năng mềm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non***

#### ***\* Mục đích:***

Phát triển các kĩ năng mềm cho sinh viên, giúp họ hoàn thiện bản thân và chuẩn bị tốt hơn cho công việc sau khi ra trường. Tạo môi trường để sinh viên giao lưu, học hỏi và phát triển các kĩ năng như làm việc nhóm, lãnh đạo, giao tiếp, giải quyết vấn đề, và quản lí thời gian.

Giúp sinh viên có thêm cơ hội thực hành và phát triển các kĩ năng mềm ngoài giờ học chính khóa. Tăng cường tính tự chủ, sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế. Xây dựng cộng đồng sinh viên gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau và cùng phát triển.

#### ***\* Cách tiến hành:***

- Khảo sát nhu cầu và lập kế hoạch: Trường đào tạo cần tiến hành khảo sát để xác định nhu cầu và mong muốn của sinh viên về các kĩ năng mềm cần thiết. Từ đó, xây dựng kế hoạch hoạt động cho câu lạc bộ, bao gồm các chương trình đào tạo, hoạt động thực hành, và các sự kiện đặc biệt.

- Thiết lập cơ cấu tổ chức và điều hành: Thành lập ban quản lí câu lạc bộ, chọn lựa các thành viên có năng lực và nhiệt huyết để điều hành câu lạc bộ. Cần phân công nhiệm vụ, xác định rõ vai trò và trách nhiệm của từng thành viên trong ban quản lí.

- Tổ chức các hoạt động đào tạo và thực hành: Mời chuyên gia và diễn giả: Mời các chuyên gia, diễn giả có kinh nghiệm đến giảng dạy và chia sẻ kinh nghiệm. Tổ chức các buổi workshop và khóa học ngắn hạn: Xây dựng chương trình đào tạo kĩ năng mềm với các buổi workshop và

khóa học phù hợp với nhu cầu của sinh viên. Đặc biệt cần tạo cơ hội cho SV thực hành kỹ năng thông qua các trò chơi phát triển kỹ năng, tình huống mô phỏng và các dự án nhóm.

- Thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm: Nên tổ chức buổi thảo luận nhóm để tạo điều kiện cho SV thảo luận, trao đổi kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau. Bên cạnh đó, cũng nên chia sẻ kinh nghiệm từ cựu sinh viên và chuyên gia những kinh nghiệm thực tế và các kỹ năng cần thiết trong công việc của nghề GVMN.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa và xây dựng mạng lưới hỗ trợ: Khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện để phát triển kỹ năng và tinh thần cộng đồng. Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, giúp sinh viên mở rộng tầm nhìn và học hỏi từ các nền văn hóa khác nhau. Tạo điều kiện để sinh viên kết nối với cựu sinh viên và nhà tuyển dụng, chia sẻ thông tin và cơ hội việc làm. Việc xây dựng và duy trì mô hình câu lạc bộ kỹ năng mềm đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giảng viên và sinh viên. Sự cam kết và nhiệt huyết của các thành viên tham gia sẽ là yếu tố quyết định sự thành công của câu lạc bộ.

#### ***Giải pháp 4. Phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục mầm non trong tổ chức các hoạt động thực tế, thực tập của sinh viên***

##### *\* Mục đích*

Tạo điều kiện cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non được tiếp cận và thực hành trong môi trường giáo dục thực tế. Giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết và phát triển kỹ năng thực hành. Tăng cường mối liên kết giữa nhà trường và các cơ sở giáo dục mầm non, tạo ra sự hợp tác bền vững và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình đào tạo.

Đảm bảo sinh viên có kinh nghiệm thực tế, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy và khả năng sẵn sàng làm việc sau khi tốt nghiệp. Giúp sinh viên hiểu rõ hơn về công việc thực tế, các phương pháp giảng dạy, và quản lý lớp học. Góp phần vào việc cải thiện chất lượng giáo dục mầm non thông qua sự đổi mới và sáng tạo từ các hoạt động thực tập của sinh viên.

##### *\* Cách tiến hành*

- Lập kế hoạch và ký kết thỏa thuận hợp tác giữa trường đào tạo sinh viên ngành GDMN và các cơ sở GDMN. Khảo sát và chọn lựa các cơ sở giáo dục mầm non có uy tín và phù hợp với mục tiêu đào tạo. Sau đó, ký kết thỏa thuận hợp tác giữa nhà trường và các cơ sở giáo dục mầm non, xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên.

- Xây dựng chương trình thực tập: Lập kế hoạch chi tiết cho chương trình thực tập cần xác định mục tiêu, nội dung, thời gian và phương pháp thực tập phù hợp với đối tượng sinh viên các khóa trong mỗi kỳ, mỗi năm học. Xác định vai trò và nhiệm vụ của sinh viên bằng cách đưa ra các nhiệm vụ cụ thể mà sinh viên cần thực hiện trong suốt quá trình thực tập.

- Tổ chức hoạt động giảng dạy và thực hành, thực tế: Tổ chức các buổi giảng dạy, hoạt động ngoại khóa và quản lý lớp học cho sinh viên. Sinh viên tham gia vào các buổi giảng dạy, quản lý lớp học và các hoạt động ngoại khóa dưới sự giám sát của giáo viên hướng dẫn. Các cơ sở giáo dục mầm non cung cấp hỗ trợ về hướng dẫn, giám sát và đánh giá sinh viên thực tập.

- Giám sát và hỗ trợ sinh viên thực tập: Các giảng viên và giáo viên hướng dẫn thường xuyên giám sát và hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực tập. Hiện đánh giá và phản hồi thường xuyên để cải thiện chất lượng thực tập. Sinh viên và giáo viên hướng dẫn cùng nhau xem xét kết quả và đưa ra các đề xuất cải thiện. Tổng kết và rút kinh nghiệm: Sau khi kết thúc chương trình thực tập, tiến hành tổng kết và đánh giá toàn diện. Dựa trên kết quả tổng kết, đưa ra các đề xuất cải tiến cho chương trình thực tập trong tương lai. Phối hợp chặt chẽ với các cơ sở giáo dục mầm non không chỉ mang lại lợi ích lớn cho sinh viên mà còn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, tạo ra môi trường học tập và làm việc chuyên nghiệp.

#### ***Giải pháp 5. Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện nghề nghiệp kỹ năng cho sinh viên***

##### *\* Mục đích*



Trang bị cho sinh viên khả năng tự học, tự nghiên cứu và tự rèn luyện để có thể thích ứng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp. Khuyến khích sinh viên phát triển tư duy sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và tự chủ trong việc học tập và làm việc. Nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có khả năng tự học và tự phát triển trong suốt cuộc đời [17].

Giúp sinh viên trở thành những người học suốt đời, có khả năng tự tìm kiếm và áp dụng kiến thức mới. Đảm bảo sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức lí thuyết mà còn có kĩ năng thực hành và khả năng tự phát triển. Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng với thị trường lao động thay đổi liên tục.

*\* Cách tiến hành*

- Xây dựng chương trình và tài liệu hướng dẫn: Cung cấp các tài liệu và khóa học về phương pháp tự học, kĩ năng nghiên cứu và tự rèn luyện nghề nghiệp. Đào tạo giảng viên về các phương pháp giảng dạy và hướng dẫn sinh viên trong việc tự học và tự nghiên cứu.

- Tổ chức các dự án nghiên cứu và thực hành: Tổ chức các dự án nghiên cứu cá nhân và nhóm để sinh viên thực hành kĩ năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề. Mặt khác cần có sự hỗ trợ từ giảng viên: Giảng viên hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực hiện các dự án nghiên cứu.

- Xây dựng chương trình tư vấn và hỗ trợ học tập: Tạo các chương trình tư vấn học tập để giúp sinh viên phát triển kế hoạch học tập cá nhân và kĩ năng tự học. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ học tập như thư viện, tài liệu trực tuyến và các khóa học bổ trợ.

- Tổ chức hoạt động ngoại khóa và câu lạc bộ học thuật: Tổ chức các hoạt động ngoại khóa để sinh viên có cơ hội rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp và phát triển tư duy sáng tạo. Khuyến khích sinh viên tham gia vào các câu lạc bộ học thuật để trao đổi kiến thức và kinh nghiệm.

- Phản hồi và đánh giá liên tục: Thực hiện đánh giá thường xuyên về tiến độ và kết quả học tập của sinh viên. Cung cấp phản hồi chi tiết và kịp thời để giúp sinh viên cải thiện kĩ năng tự học và tự nghiên cứu.

Việc phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện nghề nghiệp kĩ năng đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ giữa giảng viên, sinh viên và các bộ phận hỗ trợ học tập. Điều này không chỉ giúp sinh viên thành công trong quá trình học tập mà còn chuẩn bị cho họ một tương lai nghề nghiệp bền vững và phát triển.

***Giải pháp 6. Tăng cường thiết kế các hoạt động đa dạng kết nối sinh viên tiếp xúc, giao lưu với các đơn vị tuyển dụng, các cựu sinh viên nhằm tìm kiếm việc làm***

*\* Mục đích:*

Tạo cơ hội cho sinh viên hiểu rõ yêu cầu thực tế của thị trường lao động trong ngành GDMN. Giúp sinh viên xây dựng mạng lưới quan hệ, từ đó tìm kiếm cơ hội thực tập và việc làm. Hỗ trợ sinh viên phát triển các kĩ năng mềm và kiến thức chuyên môn thông qua giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm với các cựu sinh viên và đơn vị tuyển dụng [18].

Giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp rõ ràng hơn, từ đó có kế hoạch học tập và phát triển phù hợp. Tăng cường mối liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình tìm kiếm việc làm [16]. Củng cố và mở rộng mạng lưới cựu sinh viên, tạo nguồn lực hỗ trợ cho các thế hệ sinh viên tiếp theo.

*\* Cách tiến hành*

- Lập kế hoạch và tổ chức sự kiện ngày hội việc làm thường niên để sinh viên có cơ hội gặp gỡ và nộp đơn trực tiếp cho các nhà tuyển dụng. Đồng thời, có thể tổ chức các hội thảo tuyển dụng: Mời các doanh nghiệp đến thuyết trình về nhu cầu tuyển dụng, yêu cầu công việc và môi trường làm việc.

- Xây dựng chương trình thực tập và việc làm bán thời gian bằng cách liên kết với tổ chức giáo dục, các cơ sở GDMN đặc biệt là mầm non ngoài công lập để cung cấp các vị trí thực tập và việc làm bán thời gian cho sinh viên. Đồng thời, cơ sở đào tạo cần quản lí chương trình thực tập,

theo dõi và hỗ trợ sinh viên trong suốt quá trình thực tập, đảm bảo sinh viên có được kinh nghiệm và kỹ năng nghề cần thiết.

- Tổ chức buổi giao lưu và chia sẻ kinh nghiệm: Mời các cựu sinh viên thành công về chia sẻ kinh nghiệm học tập, làm việc và phát triển nghề nghiệp. Hoặc tổ chức các hội thảo chuyên đề với sự tham gia của các chuyên gia trong ngành GDMN để trao đổi và giải đáp thắc mắc cho sinh viên.

- Xây dựng và duy trì mạng lưới hỗ trợ nghề nghiệp: Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên, tạo điều kiện để họ kết nối và hỗ trợ các thế hệ sinh viên mới. Đồng thời, có thể thiết lập quan hệ đối tác với các cơ sở GDMN để mở rộng cơ hội việc làm cho sinh viên.

- Cung cấp dịch vụ cố vấn nghề nghiệp: Cung cấp dịch vụ tư vấn nghề nghiệp GVMN cho sinh viên, giúp họ hiểu rõ hơn về bản thân và định hướng nghề nghiệp phù hợp. Mặt khác, nên có sự kết nối sinh viên với các cựu sinh viên hoặc chuyên gia trong ngành để họ có thể nhận được sự tư vấn và hỗ trợ. Việc kết nối sinh viên với các đơn vị tuyển dụng và cựu sinh viên không chỉ tạo cơ hội việc làm mà còn giúp họ phát triển toàn diện kỹ năng mềm và kiến thức chuyên môn, chuẩn bị tốt hơn cho tương lai nghề nghiệp.

### **3. Kết luận**

Năng lực thích ứng nghề nghiệp đóng vai trò thiết yếu đối với sinh viên ngành GDMN, giúp SV nhanh chóng thích ứng với các thay đổi của môi trường làm việc thực tế tại các cơ sở GDMN. Khả năng thích ứng tốt không chỉ giúp sinh viên đối mặt với các thách thức nghề nghiệp một cách hiệu quả mà còn tạo điều kiện cho họ phát triển kỹ năng chuyên môn và mềm một cách toàn diện bởi môi trường làm việc tại các trường MN thường xuyên thay đổi và yêu cầu sự linh hoạt, sáng tạo từ giáo viên. Để đạt được điều đó, việc triển khai các giải pháp nâng cao năng lực thích ứng nghề nghiệp cần được thực hiện một cách đồng bộ và hệ thống. Các giải pháp được đề xuất không chỉ giúp sinh viên tích lũy kinh nghiệm thực tế mà còn nâng cao kỹ năng giao tiếp, quản lý lớp học, và khả năng làm việc nhóm. Việc kết nối chặt chẽ giữa nhà trường, sinh viên và nhà tuyển dụng thông qua các hoạt động này sẽ đảm bảo rằng sinh viên nhận được sự hỗ trợ cần thiết, đồng thời đáp ứng được yêu cầu và kỳ vọng từ nhà tuyển dụng. Quá trình thực hiện các giải pháp này cần được tổ chức một cách khoa học và hiệu quả, với sự tham gia tích cực của giảng viên và sinh viên, và các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn. Mặt khác, nhà trường cần tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế, đồng thời khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động rèn luyện kỹ năng và nâng cao nhận thức về nghề nghiệp. Có như vậy, năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên mới thực sự được nâng cao, giúp sinh viên tự tin và sẵn sàng bước vào con đường nghề nghiệp giáo viên mầm non với tâm thế vững vàng.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Ban chấp hành Trung ương, (2011). *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản Việt Nam*.
- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo, (2020). *Thông tư ban hành Điều lệ trường mầm non*, thông tư số: 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo, (2021). *Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non*, thông tư số: 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 4 năm 2021.
- [4] Bộ Giáo dục và đào tạo, (2018). *Thông tư quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*, thông tư số: 26/2018/TT-BGDĐT, ngày 08/10/2018.
- [5] NTN Hồng, (2016). “Biểu hiện của khả năng thích ứng nghề nghiệp ở sinh viên sư phạm trường Đại học Quy Nhơn trong thực tập sư phạm”. *Tạp chí khoa học ĐHSPT Thành phố Hồ Chí Minh*, 10 (88), 33-43.

- [6] PT Lan, (2019). “Biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên ngành sư phạm mầm non tại Trường Đại học Phú Yên”. *Tạp chí khoa học Đại học Phú Yên*, 22, 56-64.
- [7] LV Thắng, (2019). “Năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non tại tỉnh Nam Định”. *Kỷ yếu hội thảo quốc gia: Giáo dục mầm non 4.0*, Đại học sư phạm Huế, 205-211.
- [8] NV Cảnh, (2022). “Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhà sử dụng lao động về khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp*, 227(04), 59 – 68.
- [9] NV Quang & TCV Long, (2021). “Một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng thích ứng nghề nghiệp của sinh viên”. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Huế*, 03(19), 116-123.
- [10] NTK Dung & ĐT Thuận, (2017). “Tiêu chí đánh giá thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp”. *Tạp chí khoa học Trường Đại học sư phạm Hà Nội*, 62, 200-206.
- [11] VP Liên, TL Anh & NTN Ngọc, (2018). Xây dựng công cụ đánh giá năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, 422 (2), 15-22.
- [12] Wiwik S, Dewi RS & Wiwin H, (2018). The career adapt-abilities scale-Indonesian form: psychometric properties and construct validity. *Proceeding of the 4th International Conference on Education*, 4(2), 1-9.
- [13] NT Vui, (2023). “Nguyên nhân ảnh hưởng đến năng lực thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông của sinh viên trường Đại học sư phạm Hà Nội 2 trong kỳ thực tập sư phạm”. *Tạp chí Giáo dục*, 23 (22), 48-52.
- [14] HV Sơn, (2014). “Từ những khó khăn của sinh viên mới tốt nghiệp nhìn về một số kỹ năng mềm nhằm chuẩn bị thích ứng nghề”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 60, 13-18.
- [15] NT Hòa, (2021). “Mối quan hệ giữa chương trình giáo dục mầm non với giáo viên mầm non”. *Tạp chí khoa học Trường Đại học sư phạm Hà Nội*, 66, 53-64.
- [16] Joana S, Maria de CT, Paula B, & Ana DS, (2022). Career Adapt-Abilities Scale–Short Form: Validation among Portuguese University Students and Workers. *Journal of Career Assessment*, 31(3), 571–587.
- [17] DH Cẩn & LHC Tú, (2017). “Quản lý hoạt động giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, trường Đại học Đồng Tháp”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đồng Tháp*, số 25 (04-2017), trang 10-14.
- [18] Atitsogbe KA, Mama NP, Sovet L, Pari P & Rossier J., (2019). Perceived Employability and Entrepreneurial Intentions Across University Students and Job Seekers in Togo: The Effect of Career Adaptability and Self-Efficacy. *Front Psychol*, 8(10), 180. doi: 10.3389/fpsyg.2019.00180. PMID: 30800087; PMCID: PMC6376950.